

chính hợp lý khác do tổ chức trợ giúp pháp lý trả theo quy định tại Thông tư liên tịch số 187/1998/TTLT-TCCP-TC-TP ngày 30/03/1998;

5. Được đề xuất ý kiến về cải tiến, mở rộng hoạt động của tổ chức trợ giúp pháp lý.

Điều 8. Nghĩa vụ của cộng tác viên.

1. Thực hiện trợ giúp pháp lý theo sự phân công của tổ chức trợ giúp pháp lý; ghi chép hồ sơ vụ việc và lưu giữ các văn bản trợ giúp pháp lý theo quy định chung;

2. Chịu trách nhiệm về nội dung vụ việc trợ giúp trước Tổ chức trợ giúp pháp lý và pháp luật;

3. Không được đòi hỏi bất kỳ khoản chi phí nào từ phía đối tượng được trợ giúp pháp lý;

4. Không được dùng thẻ cộng tác viên và lấy danh nghĩa cộng tác viên để môi giới làm ăn phi pháp hoặc thực hiện các hoạt động khác ngoài nhiệm vụ trợ giúp pháp lý được giao;

5. Tuân thủ Quy chế này, Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức trợ giúp pháp lý, quy tắc nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 9. Hình thức cộng tác.

Cộng tác viên của tổ chức trợ giúp pháp lý có thể cộng tác theo hình thức sau:

1. Làm việc tại trụ sở tổ chức trợ giúp pháp lý;
2. Làm việc ngoài trụ sở theo thỏa thuận.

Chương III

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Khen thưởng.

Cộng tác viên có thành tích trong hoạt động trợ giúp pháp lý được tổ chức trợ giúp pháp lý, Sở tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan hữu quan, khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 11. Xử lý vi phạm.

Cộng tác viên có hành vi vi phạm sau đây tùy theo mức độ sẽ bị tổ chức trợ giúp pháp lý đình chỉ việc cộng tác, thu hồi thẻ cộng tác viên và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật:

1. Không tuân thủ quy tắc nghiệp vụ trợ giúp pháp lý hoặc vi phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý;

2. Dùng thẻ cộng tác viên và lấy danh nghĩa cộng tác viên thực hiện các hoạt động không thuộc phạm vi công việc được tổ chức trợ giúp pháp lý phân công;

3. Yêu cầu đối tượng trả thù lao hoặc cố tình gây khó khăn cho đối tượng được trợ giúp pháp lý;

4. Vi phạm các quy định khác về hợp đồng cộng tác trợ giúp pháp lý.

Điều 12. Điều khoản thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, tổ chức trợ giúp pháp lý phải đề xuất để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và quy định hiện hành của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp

NGUYỄN ĐÌNH LỘC

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 09/1998/TT-BTM ngày 18/07/1998 hướng dẫn thực hiện việc nhập khẩu miễn thuế đối với các dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/01/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 04/12/1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Thi hành Điều 37 Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/01/1998 của Chính phủ quy định

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.LawSoft.com

tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi);

Bộ Thương mại hướng dẫn việc thực hiện nhập khẩu miễn thuế đối với các dự án đầu tư quy định tại Nghị định này như sau:

A- ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/01/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), bao gồm:

- 1- Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế:
 - Doanh nghiệp nhà nước.
 - Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, hội nghề nghiệp.
 - Hợp tác xã.
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.
 - Doanh nghiệp tư nhân.
 - Cá nhân, nhóm kinh doanh hoạt động theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 02/03/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).
- 2- Doanh nghiệp do người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.
- 3- Doanh nghiệp do người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.
- 4- Doanh nghiệp do công dân Việt Nam cùng thành lập với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, với người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam.
- 5- Tổ chức, công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam mua cổ phần hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp trong nước, kể cả doanh nghiệp nhà nước được đa dạng hóa sở hữu hoặc các quỹ đầu tư tự chủ tài chính.

Các đối tượng quy định tại điểm 1, 2, 3, 4, 5 nói trên, sau đây được gọi là doanh nghiệp.

B- QUY ĐỊNH HÀNG HÓA ĐƯỢC NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ TẠO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ

I- QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐƯỢC MIỄN THUẾ

1- Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải quy định trong luận chứng kinh tế kỹ thuật nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp bao gồm:

1.1- Máy móc, thiết bị, kể cả hệ thống điện cấp thoát nước, thông tin.

1.2- Phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và phương tiện vận chuyển dùng để đưa đón công nhân (ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên), phương tiện thủy.

Phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ bao gồm:

- Các phương tiện vận tải chuyên dùng cho hoạt động sản xuất quy định tại giấy phép đầu tư.

- Phương tiện vận tải để vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm trong dây chuyền công nghệ.

1.3- Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với thiết bị máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng, phương tiện vận chuyển nêu trên.

1.4- Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nêu trên được nhập khẩu thay thế, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất.

1.5- Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để thực hiện các dự án BOT, BTO và BT.

1.6- Các giống cây trồng, giống vật nuôi, nông được đặc chủng được phép nhập khẩu để thực hiện dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

1.7- Trang thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất thiết bị trường học, thiết bị y tế, trang thiết bị cho việc bảo vệ môi trường.

1.8- Hàng hóa, vật tư khác dùng cho các dự

án đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2- Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp được miễn thuế trong các điều kiện sau:

2.1- Nguyên liệu nhập khẩu để chế tạo máy móc, thiết bị tại Việt Nam hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp.

2.2- Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để xây dựng hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp nếu nguyên liệu, vật tư đó trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật của công trình.

Danh mục nguyên liệu, vật tư xây dựng này do các Bộ chuyên ngành công bố hàng năm.

3- Nguyên liệu nhập khẩu để chạy thử nghiệm thu, và sản xuất thử theo giải trình và được Bộ Thương mại xem xét, chấp thuận đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư về chủng loại, số lượng.

4- Đối với nguyên liệu, bộ phận rời, phụ tùng và vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu thì khi nhập khẩu vào Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu và khi xuất khẩu thành phẩm được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với tỷ lệ thành phẩm xuất khẩu. Việc hoàn thuế nhập khẩu được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 43/1998/TT/BTC ngày 04/04/1998.

II- THỜI GIAN XEM XÉT BAN HÀNH VĂN BẢN

1- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Thương mại ra văn bản cho phép nhập khẩu và xác nhận danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế cho doanh nghiệp (ngày tiếp nhận hồ sơ là ngày ghi trên dấu văn thư của Bộ Thương mại).

2- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ: Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thương mại thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản để doanh nghiệp bổ sung, điều chỉnh hồ sơ. Ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ là ngày

ghi trên dấu văn thư của Bộ Thương mại trên công văn cuối cùng.

III- HỒ SƠ THẨM ĐỊNH CHO PHÉP NHẬP KHẨU VÀ XÁC NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ

1- Văn bản của chủ đầu tư (doanh nghiệp) đề nghị cho phép nhập khẩu và miễn thuế nhập khẩu.

2- Giấy phép đầu tư hoặc quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 - Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng (ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 16/07/1996 của Chính phủ) và một số điều khoản sửa đổi, bổ sung Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 16/07/1996 của Chính phủ (ban hành kèm theo Nghị định số 92/CP ngày 23/08/1997 của Chính phủ).

3- Luận chứng kinh tế kỹ thuật.

4- Quyết định của cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt chọn thầu và kết quả đấu thầu (kèm theo biên bản phân tích chọn thầu).

Trường hợp nhập khẩu theo phương thức chào hàng cạnh tranh thì có quyết định phê duyệt chọn chào hàng (có kèm theo biên bản phân tích chọn chào hàng).

5- Hợp đồng gốc và các phụ lục kèm theo.

6- Quyết định của cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, phê duyệt nội dung hợp đồng.

7- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 02/1998/TT/BKHDT ngày 16/03/1998 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Về danh mục nhập khẩu miễn thuế tạo tài sản cố định, doanh nghiệp căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/01/1998 và các văn bản quy định tại Mục III này, nêu rõ tên hàng, số lượng, trị giá cho từng hạng mục sau đây:

- Máy móc, trang thiết bị.
- Vật tư xây dựng.

- Nguyên vật liệu để chế tạo máy móc thiết bị tại Việt Nam.

- Nguyên vật liệu dùng để sản xuất thủ.

C- THỜI HẠN ÁP DỤNG

1- Đối với những dự án được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư trước ngày 01/02/1998 (ngày có hiệu lực của Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/01/1998 của Chính phủ) thì việc nhập khẩu miễn thuế cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại kể từ ngày 01 tháng 02 năm 1998, cụ thể như sau:

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa đã nhập khẩu vào Việt Nam kể từ ngày 01 tháng 02 năm 1998.

- Chịu thuế nhập khẩu đối với hàng hóa đã nhập khẩu vào Việt Nam trước ngày 01 tháng 02 năm 1998.

2- Đối với những dự án được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư kể từ ngày 01 tháng 02 năm 1998:

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam kể từ ngày cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

- Chịu thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam trước ngày cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Ngày hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là ngày ghi trên tờ khai hải quan.

D- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1- Bộ Thương mại đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan trung ương của các đoàn thể thông báo nội dung Thông tư này cho các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý của mình biết và thực hiện, đồng thời phản ánh cho Bộ Thương mại những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp.

2- Các doanh nghiệp có dự án đầu tư có trách

nhiệm thi hành những quy định tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những vướng mắc cần phản ánh kịp thời cho Bộ Thương mại để có những sửa đổi, bổ sung phù hợp.

3- Cán bộ, công chức của Bộ Thương mại có trách nhiệm thực hiện đúng những quy định của Thông tư này. Trường hợp vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4- Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thủ trưởng

MAI VĂN DÂU

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

THÔNG TƯ số 05/1998/TT-NHNN ngày **09/06/1998** hướng dẫn xử lý nợ và cho vay ưu đãi khác phục hậu quả nắnng hạn những tháng đầu năm 1998 theo Quyết định số **90/1998/QĐ-TTg** ngày **08/05/1998** của Thủ tướng Chính phủ.

Để triển khai thực hiện tốt Quyết định số 90/1998/QĐ-TTg ngày 08/05/1998 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp khác phục hậu quả nắnng hạn, thiên tai những tháng đầu năm 1998, Thống đốc Ngân hàng nhà nước hướng dẫn việc xử lý nợ vay bị thiệt hại và cho vay vốn ưu đãi tại các tỉnh bị hạn nặng: Đắc Lắc, Lâm Đồng, Đồng Nai, Long An, Kiên Giang, Bình Phước, Cà Mau, Bạc Liêu theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 90/1998/QĐ-TTg ngày 08/05/1998 như sau:

I. XỬ LÝ NỢ VAY BỊ THIẾT HẠI DO HẠN HÁN

1. Gia hạn nợ:

Những hộ nông dân có nợ vay bị thiệt hại nặng